

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 8 - 2022.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tôn Thất Hưng.
2. Bà Trịnh Thị Ngọc Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Huy Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương là Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1997;

Địa chỉ: tổ 1, ấp 2, xã M, huyện V, tỉnh Đ.

*** Bị đơn:** Ông Trương Văn B, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: tổ 1, ấp 2, xã M, huyện V, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:**

Bà và ông Trương Văn B kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh P, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách vợ và chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông B ham mê cờ bạc, rượu chè, có quan hệ với người phụ nữ khác, nhiều lần ông B có

hành vi bạo lực đánh đập bà. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: bà và ông B có 01 con chung là Trương Hoàng P, sinh ngày 10/7/2020. Ly hôn, bà xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trương Văn B quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà H về quá trình kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông có ngoại tình, cò bạc và đánh đập bà H. Ông xác định mâu thuẫn vợ chồng hiện nay đã trầm trọng không thể hàn gắn với nhau được. Tuy nhiên, bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: ông và bà H có 01 con chung là Trương Hoàng P, sinh ngày 10/7/2020. Trường hợp ly hôn ông đồng ý giao cháu P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung của vợ chồng: ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải và các thủ tục tố tụng khác đúng Điều 93 đến Điều 97, Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", Thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, tư cách tham gia tố tụng đúng Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng Điều 203, khoản 2 Điều 220, Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng các Điều 230, 240, 241, 242, 243, 240, 247, 240, 250, 251, 252, 255, 254, 255, 250, 257, 259, 260 và Điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông B trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: bà H và ông B có 01 con chung là cháu Trương Hoàng P, sinh ngày 10/7/2020. Ly hôn giao cháu Trương Hoàng P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trương Vảo B cư trú tại xã M, huyện V, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn ngày 22 tháng 10 năm 2019. Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà H khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra từ nhiều năm qua nên không chăm lo cuộc sống của gia đình, mâu thuẫn vợ chồng xác định trầm trọng, có hành vi bạo lực gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án ông B thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, ông có đánh bà H, nhưng bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý. Tuy nhiên, từ lúc hai vợ chồng có mâu thuẫn cho đến nay ông B cũng không có biện pháp gì để hai vợ chồng ông khắc phục mâu thuẫn với nhau.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự là có thật, trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn theo các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Về con: bà H và ông B có 01 con chung là cháu Trương Hoàng P, sinh ngày 10/7/2020. Ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, ông B đồng ý giao cháu P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu được

trong vụ án, thể hiện bà H có việc làm, có thu nhập, có chỗ ở ổn định để đảm B nuôi dưỡng con.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định bà H có đủ điều kiện nuôi dưỡng con, nên giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu nên không xem xét theo các Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn ông B được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu về ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn đối với ông Trương Văn B.

- Về con: giao con Trương Hoàng P, sinh ngày 10/7/2020 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông B được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004192 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND TT Vĩnh An;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại